

Trần Nhân Tông - Từ bậc Đế vương giữ nước đến Đệ nhất Tổ khai đạo

ISSN: 2734-9195 14:58 24/08/2026

Trần Nhân Tông không chỉ là một nhân vật lịch sử kiệt xuất, mà là một mô hình tiêu biểu về sự thống nhất giữa quyền lực và đạo đức, giữa trí tuệ tâm linh và trách nhiệm xã hội, giữa đời và đạo.

Công trình này được triển khai nhằm nhận diện một cách hệ thống và toàn diện hình tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông trong tính thống nhất hữu cơ giữa cuộc đời, sự nghiệp chính trị - quân sự, đóng góp tư tưởng - văn hoá và tầm vóc nhân cách - đạo đức.

Qua bảy chương nghiên cứu, có thể khẳng định rằng Trần Nhân Tông không chỉ là một nhân vật lịch sử kiệt xuất của thời Trần, mà còn là một hiện tượng văn hoá - tư tưởng đặc biệt của lịch sử dân tộc Việt Nam.

Giá trị của Ngài không dừng lại ở những chiến công hay những thành tựu cá nhân, mà kết tinh thành một hệ di sản tinh thần có ý nghĩa lâu dài đối với sự phát triển của quốc gia và bản sắc văn hóa Việt Nam.

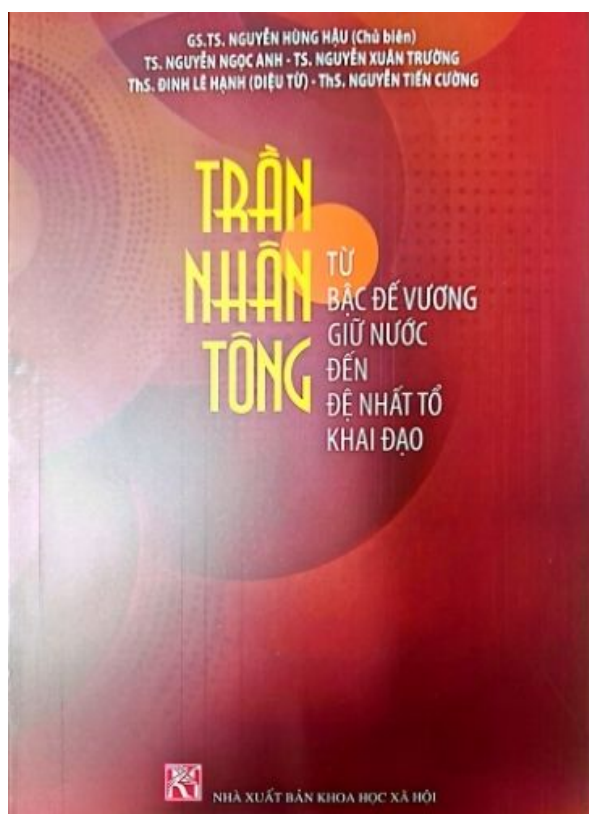
Trước hết, xét trên bình diện lịch sử - tiểu sử (Chương I), cuộc đời Trần Nhân Tông thể hiện một hành trình đặc biệt: từ hoàng tử, hoàng đế, lãnh đạo quốc gia trong thời chiến, đến Thái thượng hoàng và cuối cùng là một bậc tu hành giác ngộ. Hành trình ấy không phải là sự chuyển đổi ngẫu nhiên giữa các vai trò xã hội, mà phản ánh một quá trình phát triển nội tâm có tính quy luật: từ trách nhiệm đối với quốc gia đến trách nhiệm đối với con người và cuối cùng là trách nhiệm đối với đời sống tinh thần của cộng đồng.

Trong trường hợp Trần Nhân Tông, đời sống chính trị và đời sống tâm linh không đối lập mà bổ sung cho nhau, làm nên một mô hình lãnh đạo mang chiều sâu đạo đức và trí tuệ.

Ở phương diện lịch sử dân tộc (Chương II), Trần Nhân Tông xứng đáng được nhìn nhận như một anh hùng giải phóng dân tộc trên nhiều phương diện. Vai trò lãnh đạo trong hai cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông không chỉ thể hiện

tài năng quân sự và chính trị, mà còn thể hiện tầm nhìn chiến lược về sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

Tư tưởng “khoan thư sức dân”, “lấy dân làm gốc”, cùng chính sách hòa giải sau chiến tranh cho thấy một quan niệm về chiến thắng không dựa trên hủy diệt, mà hướng đến ổn định lâu dài và tái thiết xã hội. Đây là một kiểu mẫu của văn hoá chính trị nhân văn, trong đó mục tiêu tối hậu của chiến tranh là hoà bình và phục hồi đời sống cộng đồng.



GS.TS. NGUYỄN HÙNG HẬU (Chủ biên)
TS. NGUYỄN NGỌC ANH - TS. NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG,
THS. ĐINH LÊ HẠNH (ĐIỀU TỬ) - THS. NGUYỄN TIẾN CƯỜNG

TRẦN NHÂN TÔNG
TỪ BẬC ĐẾ VƯƠNG GIỮ NƯỚC
ĐẾN ĐỆ NHẤT TỔ KHAI ĐẠO

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Trên bình diện tư tưởng (Chương III), đóng góp lớn nhất của Trần Nhân Tông là việc hình thành và phát triển Thiền phái Trúc Lâm - dòng Thiền mang bản sắc Việt Nam.

Tư tưởng của Ngài thể hiện sự dung hợp sáng tạo giữa Phật giáo với truyền thống văn hoá dân tộc, đồng thời kết hợp hài hoà giữa tinh thần xuất thế và nhập thế.

Quan niệm “Phản quan tự kỷ”, “Cư trần lạc đạo” hay lý tưởng tu hành giữa đời sống xã hội đã tạo nên một hệ tư tưởng đề cao sự tỉnh thức nội tâm nhưng không tách rời trách nhiệm xã hội. Điều này làm nên đặc trưng của Phật giáo Trúc Lâm: một Phật giáo của hành động, của trách nhiệm công dân và của đời sống thực tiễn. Ngài là một nhà triết học, minh triết lớn của Việt Nam.

Ở góc độ văn hoá (Chương IV), Trần Nhân Tông không chỉ là người sáng lập một dòng Thiền, mà còn góp phần định hình một mô hình văn hoá dân tộc dựa trên

các giá trị hòa hợp, bao dung và cân bằng. Sự dung hợp Nho - Phật - Lão trong tư tưởng và chính sách của Ngài phản ánh một tinh thần mở, coi văn hoá như một không gian đối thoại và điều hòa. Những sáng tác văn học, thơ Thiền và trước tác của Ngài không chỉ có giá trị tôn giáo, mà còn góp phần hình thành mỹ cảm văn hoá Trúc Lâm - một mỹ cảm giản dị, thanh tịnh và hướng nội.

Chương V cho thấy nhân cách và phong cách của Trần Nhân Tông là nền tảng tạo nên sức thuyết phục của toàn bộ di sản. Ở Ngài, quyền lực gắn liền với tự chế, chiến thắng gắn liền với khiêm nhường, và giác ngộ gắn liền với trách nhiệm xã hội. Phong cách sống giản dị, gần dân, tinh thần bao dung và khả năng hoà giải sau xung đột đã tạo nên một mẫu hình lãnh đạo đạo đức hiếm có trong lịch sử. Chính nhân cách ấy đã chuyển hoá quyền lực chính trị thành uy tín đạo đức, tạo nên ảnh hưởng lâu dài vượt ra ngoài thời đại của mình.

Chương VI làm rõ ý nghĩa của Trần Nhân Tông như một “vị vua giác ngộ”. Điểm đặc biệt của Ngài không phải chỉ ở việc xuất gia sau khi trị vì, mà ở chỗ quá trình giác ngộ đã bắt đầu ngay trong đời sống thế tục và tiếp tục phát triển trong đời sống tu hành. Trường hợp của Trần Nhân Tông cho thấy khả năng dung hợp giữa quyền lực thế tục và trí tuệ tâm linh, giữa trách nhiệm chính trị và lý tưởng giải thoát. Đây là một mô hình hiếm gặp trong lịch sử thế giới, thể hiện quan niệm phương Đông về sự thống nhất giữa trị quốc và tu thân.

Từ những phân tích trên, Chương VII khẳng định giá trị và ý nghĩa đương đại của di sản Trần Nhân Tông đối với Việt Nam hiện nay. Trước hết, đó là giá trị về quản trị quốc gia: phát triển phải gắn với an sinh xã hội, kinh tế phải đi đôi với “khoan thư sức dân”, và nhà nước phải kiến tạo phúc vụ con người. Thứ hai, đó là giá trị về văn hoá hoà giải: không nuôi dưỡng hận thù, biết khép lại quá khứ để hướng tới tương lai. Thứ ba, đó là giá trị về phát triển bền vững: cân bằng giữa tăng trưởng vật chất và đời sống tinh thần, giữa con người và môi trường xã hội. Cuối cùng, đó là giá trị giáo dục: học qua tấm gương sống, nuôi dưỡng căn tính văn hoá dân tộc và xây dựng bản lĩnh hội nhập trong bối cảnh toàn cầu hoá.

Tổng hợp lại, có thể nhận định rằng Trần Nhân Tông là một nhân vật hội tụ nhiều vai trò: hoàng đế, anh hùng dân tộc, nhà tư tưởng, nhà văn hoá và bậc tu hành giác ngộ. Tuy nhiên, ý nghĩa sâu xa của Ngài không nằm ở sự đa dạng vai trò, mà ở khả năng tích hợp các vai trò ấy trong một chỉnh thể nhân cách thống nhất. Chính sự thống nhất giữa quyền lực và đạo đức, giữa trí tuệ và hành động, giữa đời và đạo đã tạo nên tính độc đáo của hiện tượng Trần Nhân Tông trong lịch sử Việt Nam.

Trong bối cảnh hiện nay, khi xã hội đứng trước nhiều thách thức về phát triển, xung đột giá trị và khủng hoảng niềm tin, di sản Trần Nhân Tông có thể được xem như một “bản đồ tinh thần” định hướng cho tương lai. Những giá trị như tự tỉnh thức, trách nhiệm xã hội, bao dung, hoà giải và phát triển bền vững không chỉ mang ý nghĩa lịch sử, mà còn là những nguyên tắc có tính phổ quát. Việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy di sản ấy vì thế không chỉ là công việc của giới học thuật, mà còn là một nhiệm vụ văn hoá - xã hội rộng lớn.

Kết luận của công trình này, do đó, không nhằm khép lại một chủ đề, mà mở ra những hướng tiếp cận mới. Hình tượng Trần Nhân Tông cần tiếp tục được nghiên cứu trong đối sánh quốc tế, trong bối cảnh nghiên cứu liên ngành về tôn giáo, văn hoá và quản trị xã hội. Đồng thời, cần chú trọng việc chuyển hoá các giá trị tinh thần của Ngài thành những thực hành văn hoá và giáo dục cụ thể trong đời sống hiện đại.

Từ góc nhìn tổng thể, Phật hoàng Trần Nhân Tông không chỉ thuộc về quá khứ, mà còn hiện diện như một nguồn lực tinh thần cho hiện tại và tương lai. Di sản của Ngài nhắc nhở rằng sức mạnh bền vững của một dân tộc không chỉ nằm ở tiềm lực kinh tế hay quân sự, mà trước hết nằm ở chiều sâu văn hoá, ở nền tảng đạo đức và ở năng lực tự hoàn thiện của con người. Chính ở ý nghĩa ấy, việc nhận thức và phát huy di sản Trần Nhân Tông không chỉ là sự tri ân lịch sử, mà còn là một lựa chọn chiến lược cho sự phát triển bền vững của Việt Nam trong thế kỷ XXI.

Đóng góp mới của cuốn sách so với các nghiên cứu trước. Trong nhiều thập niên qua, Trần Nhân Tông đã thu hút sự quan tâm của giới sử học, Phật học và nghiên cứu văn hoá. Các công trình trước đây đã làm sáng tỏ nhiều phương diện quan trọng như thân thế, sự nghiệp chính trị - quân sự, vai trò trong kháng chiến chống Nguyên - Mông, sự hình thành Thiền phái Trúc Lâm, cũng như giá trị tôn giáo và văn hoá của di sản mà ông để lại. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu thường tiếp cận Trần Nhân Tông theo từng lĩnh vực riêng lẻ hoặc theo khuynh hướng tôn vinh lịch sử, chưa đặt các phương diện ấy trong một chỉnh thể thống nhất của nhân cách, tư tưởng và ảnh hưởng xã hội.

Cuốn sách này được thực hiện với mục tiêu vượt qua cách tiếp cận phân mảnh đó, đồng thời đóng góp một số điểm mới chủ yếu sau đây.

Thứ nhất, tiếp cận tổng thể và liên ngành về hiện tượng Trần Nhân Tông. Điểm mới quan trọng của công trình là xem Trần Nhân Tông như một hiện tượng lịch sử - văn hoá - tư tưởng thống nhất, trong đó các vai trò: hoàng đế, anh hùng dân tộc, nhà tư tưởng, nhà văn hoá và bậc tu hành giác ngộ không tồn tại tách biệt, mà liên kết hữu cơ trong một cấu trúc nhân cách toàn diện. Trên cơ sở kết

hợp các phương pháp của sử học, triết học, tôn giáo học và văn hoá học, cuốn sách làm rõ logic phát triển nội tại từ đời sống chính trị đến đời sống tâm linh, qua đó lý giải tính nhất quán trong lựa chọn lịch sử và con đường tu hành của ông.

Thứ hai, tái diễn giải Trần Nhân Tông như một nhà tư tưởng về quản trị nhân văn. Các nghiên cứu trước chủ yếu nhấn mạnh công lao lịch sử hoặc giá trị tôn giáo, trong khi công trình này làm nổi bật chiều kích tư tưởng chính trị – xã hội của Trần Nhân Tông. Những quan điểm như “khoan thư sức dân”, hoà giải sau chiến tranh, phát triển gắn với an sinh xã hội và lấy con người làm trung tâm được phân tích như một hệ tư tưởng về quản trị nhân văn. Qua đó, Trần Nhân Tông được nhìn nhận không chỉ như một vị vua anh minh, mà còn như một nhà tư tưởng về phát triển bền vững và ổn định xã hội.

Thứ ba, làm rõ đặc trưng của Trúc Lâm như một mô hình Phật giáo nhập thế mang bản sắc Việt Nam. Thay vì xem Trúc Lâm chỉ như một dòng Thiền thuần túy tôn giáo, cuốn sách tiếp cận Trúc Lâm như một hệ tư tưởng xã hội - văn hoá, kết hợp giữa giác ngộ nội tâm và trách nhiệm cộng đồng. Công trình phân tích sâu các khái niệm như “cư trần lạc đạo”, “phản quan tự kỷ” trong mối liên hệ với đời sống xã hội, qua đó làm nổi bật đặc trưng của Trúc Lâm như một hình thức bản địa hoá sáng tạo của Phật giáo trong bối cảnh văn hoá Việt Nam.

Thứ tư, tiếp cận Trần Nhân Tông từ góc độ nhân cách và phong cách lãnh đạo. Một đóng góp đáng chú ý của cuốn sách là phân tích nhân cách, phong cách sống và phong cách lãnh đạo của Trần Nhân Tông như nền tảng tạo nên sức ảnh hưởng lịch sử. Các phẩm chất như khiêm tốn trong quyền lực, bao dung trong chiến thắng, giản dị trong đời sống và nhất quán giữa lời nói với hành động được xem như những yếu tố cấu thành một mô hình lãnh đạo đạo đức. Cách tiếp cận này giúp chuyển trọng tâm từ sự kiện lịch sử sang chiều sâu nhân văn của nhân vật.

Thứ năm, nhấn mạnh ý nghĩa đương đại của di sản Trần Nhân Tông. Khác với nhiều công trình dừng lại ở giá trị lịch sử, cuốn sách đặt di sản của Trần Nhân Tông trong bối cảnh Việt Nam hiện nay. Các vấn đề như phát triển bền vững, văn hoá hoà giải, xây dựng đạo đức xã hội, củng cố bản sắc văn hoá và tăng cường sức mạnh mềm quốc gia được phân tích như những phương diện mà tư tưởng và tấm gương của ông vẫn còn giá trị định hướng. Qua đó, di sản Trần Nhân Tông được nhìn nhận như một nguồn lực tinh thần cho hiện tại và tương lai, chứ không chỉ là đối tượng của nghiên cứu lịch sử.

Thứ sáu, chuyển từ diễn ngôn tôn vinh sang diễn ngôn học thuật. Công trình nỗ lực trình bày Trần Nhân Tông bằng lập luận khoa học, đối chiếu tư liệu và phân

tích khái niệm, tránh lối tiếp cận mang tính huyền thoại hoá hoặc cảm tính. Sự chuyển đổi này nhằm góp phần đưa nghiên cứu về Trần Nhân Tông tiệm cận chuẩn mực học thuật quốc tế, đồng thời tạo cơ sở cho các nghiên cứu so sánh trong tương lai.

Khái quát lại, có thể nói, đóng góp mới của cuốn sách nằm ở việc kiến tạo một cách nhìn tích hợp: Trần Nhân Tông không chỉ là một nhân vật lịch sử kiệt xuất, mà là một mô hình tiêu biểu về sự thống nhất giữa quyền lực và đạo đức, giữa trí tuệ tâm linh và trách nhiệm xã hội, giữa đời và đạo.

Từ góc nhìn đó, di sản của ông được nhận thức không chỉ như giá trị của quá khứ, mà như một hệ chuẩn mực văn hoá và tinh thần có ý nghĩa lâu dài đối với sự phát triển của Việt Nam trong bối cảnh hiện đại.

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC